



## Việc (Bị) Học Tiếng Việt

Việc học tiếng Anh đối với người Việt thuộc thể hệ thứ nhất rất quan trọng vì tiếng Anh là ngôn ngữ quốc gia của Úc. Bên cạnh đó, việc khuyến khích con em chúng ta học tiếng Việt như là một sinh ngữ khác tiếng Anh (LOTE – Language Other Than English) cũng quan trọng không kém.

Vào các thập niên 1980 và 90, một số phụ huynh Việt Nam sợ rằng tiếng Anh của con em mình sẽ tệ như mình nếu cho hoặc bắt chúng nói tiếng Việt. Thế là cha mẹ nói tiếng Anh bập bẹ với con, trẻ thì nói tiếng Anh ở trường với thầy cô và bạn bè; về nhà thì đóng cửa phòng vì không muốn nói chuyện với cha mẹ (*Chán chết! Chờ họ nói xong một câu cũng đủ mệt! Nghe xong, nhiều khi còn “hiểu được chết liền a!”*).

Thế rồi, khi trẻ đến tuổi dậy thì,

cha mẹ coi như mất con! Literally! Cha mẹ nói tiếng Việt hay Anh con mình cũng đều không hiểu, và con cái nói tiếng Anh cha mẹ cũng không hiểu gì, trừ chuyện nhà cửa, bếp núc và ... thời tiết!

May thay, khuynh hướng muốn con cái “hòa nhập triệt để” kiểu ấy đã mau chóng tàn lụi, nhất là đối với các bậc phụ huynh đến Úc từ thập niên 1990 trở về sau.

Theo kinh nghiệm của người viết trong việc dạy và làm việc với thanh thiếu niên, thì trẻ sẽ rất giỏi tiếng Việt cho đến tuổi đến trường; ở bậc Tiểu Học, các em có thể có khuynh hướng muốn được công nhận rằng mình là người Úc: muốn nói tiếng Anh, ăn các món Tây, và không muốn nhận mình là “người Việt”; đến tuổi dậy thì, các em sẽ rơi vào tình trạng “*identity crisis*” – không biết

mình là ai vì các em không phải Việt, cũng không được xem là Úc. Từ đó, “sub-cultural groups” sẽ hình thành: các em gốc Việt sẽ chơi chung với nhau tạo thành từng nhóm nhỏ, và một “*văn hóa mới*” ra đời – các em chê cha mẹ mình cổ hủ, chê bọn Tây ngu, và thường chạy theo các hình tượng không phải Việt cũng không phải Tây (*Xu hướng theo “Hàn” hiện đang rất thịnh hành từ kiểu tóc đến cách cư xử, đến nhạc, tài tử đóng phim, các hình tượng hoạt họa...*); đến tuổi học xong đại học và sau 25 tuổi, hầu hết các em sẽ “*về nguồn*”: muốn nói tiếng Việt, làm và ăn món Việt, học và thực hiện các tục lệ cúng kiến của người Việt, và ... bắt con cái học tiếng Việt!

Thế là, cái vòng “lẩn quẩn” ấy cứ xoay vòng, xoay vòng: Trẻ bị ép học tiếng Việt, và khi các em

này trở thành cha mẹ, lại ép con cái của mình phải học tiếng Việt. Chính vì việc học tiếng Việt tại Úc là do bị ép, nên việc dạy tiếng Việt ở đây có phần hơi khác với ở Việt Nam. Bên kia thì giáo viên “gõ đầu trẻ”, còn ở đây thì dạy dỗ - vừa dạy, vừa (dụ) dỗ!

Trong phần thi tiếng Việt lớp 12, khi được hỏi “*Tại sao em lại chọn học tiếng Việt?*”, đa số các em sẽ trả lời là tại ba mẹ bắt học, và một số sẽ trả lời là để nói chuyện được với ông bà và cha mẹ. Đề “*dụ*” con em học tiếng Việt một cách tích cực hơn, hy vọng các bậc phụ huynh, ngoài lý do trên, có thể dùng nhiều lý do “*hấp dẫn*” khác để khuyến khích các em vui học:

- Học tiếng Việt để không bị “*quê*”: Tưởng tượng nếu có người bạn bè hoặc ai đó (từ các sắc dân khác) hỏi mình về món ăn ngon của người Việt, cái hay của văn hóa Việt, v.v.. khi biết mình là người gốc Việt và mình phải trả lời “*Sorry, I don't know!*”. Nếu để ý, chúng ta sẽ thấy “*Tây*” thường thích khoe mình biết nói ngôn ngữ khác tiếng Anh, biết những món ăn cực phẩm (exotic dishes) từ các nền văn hóa khác. Cựu thủ tướng Kevin Rudd không phải rất thích trở tài xế “*nhỏ*” của mình đó sao? Luke Nguyễn không phải là “*thần tượng*” của những thí sinh dự thi *MasterChef Australia* đó sao?

- Chỉ có tiếng Việt mới chơi trò nói láy được: Tiếng Việt với giọng miền Nam, nói láy là tuyệt nhất. Ví dụ “*Thầy giáo tháo giày, tháo cả ủng, thủng cả áo, láy giáo án dân áo*”, “*Trà Thái Đức uống vào thức đãi*”, “*Gái Củ Chi chi*

*cu hỏi củ chi đây?*” ... Thiết nghĩ, ít ai không có những chuyện tếu với việc nói láy để kể cho nhau nghe.

- Tiếng Việt gọi nhau nghe “*tình cảm*” hơn: Tiếng Anh, ngôi thứ nhất chỉ có *I*, mà tiếng Việt thì hàng hà sa số: *tôi, tao, ta, tớ, (tên), mình, cô, chú, bác, cậu, dì, ông, bà, v.v..* khó mà kể hết; Tiếng Anh, ngôi thứ hai chỉ có *YOU*, hoặc cùng lắm cũng chỉ có thêm *Dear, Love, Darl (Darling), Hon (Honey)*, nhưng tiếng Việt thì cũng bao la chẳng kém chi ngôi thứ nhất. Điểm độc đáo nhất là việc xưng hô của một người có thể thay đổi liên tục tùy vào đối tượng, hoàn cảnh, tâm trạng của người ta. Ví dụ, một cô đang ngọt xớt em em anh anh với người con trai, nhưng nếu có chuyện khiến cô nằng nễ giận, tiếng “*em*” sẽ thành “*bà*”, và tiếng “*anh*” sẽ thành “*mày*”, thành “*con*”.

- Tiếng Việt giàu nhạc tính: Chúng ta có sáu dấu giọng khác nhau (miền Nam không phân biệt hỏi và ngã nên còn năm, miền Bắc hỏi và nặng cũng khá gần, vẫn còn năm ...), người khác nghe mình nói tiếng Việt như nghe chim hót! Con gái gốc Việt lớn lên ở Úc, dù tiếng Anh là ngôn ngữ thứ nhất, nhưng không thừa hưởng được văn hóa “*bản gốc*” của người ta nên khi muốn ngọt ngào, nhõng nhẽo bằng tiếng Anh thì không thể nào bằng gái Tây. Muốn được xem là dễ thương? Học tiếng Việt!

- Môn Tiếng Việt vẫn được xem là một môn chính để tính điểm vào đại học: Trong “*Primary Four*” – bốn môn chính được dùng để

tính điểm vào đại học, ngoài môn Tiếng Anh là môn bắt buộc, nếu Tiếng Việt là một trong ba “*môn chính*” có số điểm cao nhất, điểm của nó sẽ tự động được dùng. Nhìn chung, số điểm của môn Tiếng Việt của các em thường bằng hoặc cao hơn rất nhiều môn khác, nhưng thời gian và nỗ lực dành cho môn tiếng Việt lại chỉ bằng 1/4 so với việc đầu tư cho các môn khác. Ví dụ, khả năng của em A chỉ có thể đạt được khoảng 30 cho môn Vật Lý và Tiếng Việt. Nếu muốn cố gắng để có thể lấy khoảng 33 điểm cho hai môn này, em A cần phải bỏ thêm 4 giờ mỗi tuần để luyện thêm cho môn Vật Lý, nhưng chỉ cần 1 giờ cho môn tiếng Việt! Hơn nữa, học môn Tiếng Việt (như là một ngôn ngữ khác Tiếng Anh), các em vẫn được tặng thêm (trung bình là) 5 điểm khi tính điểm vào đại học.

- Tiếng Việt giúp các em trong các ngành nghề trong tương lai: Những “*chuyên gia*” gốc Việt như luật sư, bác sĩ, nha sĩ, v.v.. nếu không nói được tiếng Việt sẽ có ít khách hơn vì người Việt sẽ không đến dùng dịch vụ của họ! Những ngành nghề khác, nếu chúng ta nói được hơn một ngôn ngữ, chúng ta sẽ dễ được nhận hơn! Trong cùng một chỗ làm, nhiều bộ, sở, cơ quan lớn thường trả thêm phần “*phụ trội*” nếu nhân viên nói được một hoặc vài ngôn ngữ khác!

Việc dạy và học tiếng Việt sẽ còn tồn tại ít ra cũng vài chục năm nữa, hy vọng rằng con, cháu, chắt của chúng ta sẽ không cần phải có cảm giác “*bị học*” mỗi cuối tuần!

Huy Lưu